

Số: **349/NQ-HĐND**

Điện Biên, ngày 28 tháng 11 năm 2014

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn
tỉnh Điện Biên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XIII - KỲ HỌP THỨ 12 (BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 132/2000/QĐ-TTg ngày 24/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/07/2006 của Chính phủ về việc phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 116/2006/TT-BNN, ngày 18/12/2006 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 113/2006/TT-BTC ngày 28/12/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về ngân sách Nhà nước hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn theo Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07/7/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu.

Sau khi xem xét Tờ trình số 4303/TTr-UBND ngày 07/11/ 2014 của UBND tỉnh Điện Biên về việc thông qua Dự án Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Điện Biên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số 52/BC-HĐND, ngày 11/ 11/2014 của Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh và ý kiến của Đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Điện Biên đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm, phương hướng, mục tiêu phát triển

1.1. Quan điểm, phương hướng phát triển

- Phát triển ngành nghề nông thôn phải gắn với kế hoạch phát triển kinh tế
- xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo từng thời kỳ của tỉnh; gắn phát triển ngành nghề nông thôn với phát triển du lịch.

- Ưu tiên phát triển các ngành nghề truyền thống, đồng thời phát triển thêm các ngành nghề mới, làng nghề mới, những ngành nghề sử dụng nhiều lao động; trong đó tập trung ưu tiên phát triển một số ngành nghề chính: Chế biến nông lâm sản, dệt may, mây tre đan, mộc, sửa chữa, cơ khí nhỏ, vận tải...

- Không phát triển dàn trải, xây dựng các mô hình phát triển bền vững để tiến hành nhân rộng khi hội đủ các điều kiện. Xây dựng hình ảnh của ngành nghề nông thôn, xây dựng thương hiệu sản phẩm gắn liền với bản sắc văn hóa của Điện Biên.

- Huy động mọi nguồn lực, trong đó chú trọng xã hội hóa để kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia phát triển ngành nghề nông thôn; tranh thủ sự hỗ trợ từ các chương trình, chính sách, đề án, dự án của Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp để phát triển ngành nghề nông thôn.

- Phát triển ngành nghề nông thôn gắn với quá trình Công nghiệp hoá - Hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, chuyển từ lao động thủ công sang lao động kỹ thuật có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, góp phần xoá đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn.

- Phát triển ngành nghề nông thôn phải gắn hiệu quả kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển những di sản văn hóa truyền thống, bản sắc văn hóa các dân tộc và khôi phục, bảo tồn phát triển làng nghề truyền thống của địa phương; gắn phát triển ngành nghề nông thôn với phong trào xây dựng nông thôn mới tại các xã, bản.

1.2. Mục tiêu quy hoạch ngành nghề nông thôn đến 2020 và định hướng đến năm 2030

- Giai đoạn 2014 – 2020: tăng trưởng bình quân đạt 12 – 15%/năm; đến năm 2030 tăng trưởng bình quân từ 10 – 10,5%/năm.

- Mục tiêu về giá trị sản xuất theo nhóm ngành nghề (theo giá so sánh 2010):

+ Chế biến bảo quản nông lâm thủy sản đến năm 2020 đạt khoảng 3.035 – 3.111 tỷ đồng và đến năm 2030 đạt khoảng 7.588 – 8.227 tỷ đồng.

+ Sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gỗ, mây tre đan, dệt may, cơ khí nhỏ đến năm 2020 đạt khoảng 517 – 552 tỷ đồng; đến năm 2030 đạt khoảng 1.600 – 1.710 tỷ đồng.

+ Sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ đến năm 2020 đạt khoảng 77 – 79 tỷ đồng; đến năm 2030 đạt khoảng 194 – 229 tỷ đồng.

+ Xây dựng, vận tải trong nội bộ xã, liên xã đến năm 2020 đạt khoảng 145 – 146 tỷ đồng; đến năm 2030 đạt khoảng 363 – 425 tỷ đồng.

+ Dịch vụ và ngành nghề khác đến năm 2020 đạt khoảng 450 – 452 tỷ đồng; đến năm 2030 đạt khoảng 1.108 – 1.305 tỷ đồng.

2. Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn theo nhóm ngành

2.1. Quy hoạch các loại ngành nghề

a) Bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản

- Chế biến lương thực: Bao gồm chế biến gạo, ngô, đến năm 2020 xây dựng thêm 5 cơ sở sấy với tổng công suất 30 - 35 ngàn tấn/năm.

- Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản tại thành phố Điện Biên Phủ và thị xã Mường Lay.

- Chế biến sản phẩm cây công nghiệp:

+ Chế biến chè (tại huyện Tủa Chùa): xây dựng thêm 2 xưởng chế biến bán công nghiệp, công suất trên 0,5 tấn búp tươi/ngày, 1 xưởng chế biến công nghiệp công suất 5 tấn búp tươi/ngày;

+ Chế biến cà phê: Xây dựng 2 xưởng chế biến cà phê ướt tại xã Chung Chải, huyện Mường Nhé (công suất 8 tấn/giờ) và Mường Nhé (công suất 20 tấn/giờ); xây dựng 2 nhà máy chế biến cà phê nhân xuất khẩu tại huyện Mường Ảng; định hướng đến năm 2030 xây dựng một nhà máy chế biến cà phê tinh để cung cấp cho người tiêu dùng cả nước, Quốc tế biết đến cà phê Arabica Điện Biên.

+ Chế biến cao su: Xây dựng các nhà máy chế biến cao su ở xã Mường Pồn huyện Điện Biên công suất 6.000 tấn/năm, nhà máy ở xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo công suất 4.000 tấn/năm, nhà máy ở xã Mường Toong huyện Mường Nhé công suất 7.000 tấn/năm, nhà máy ở xã Nà Khoa, huyện Nậm Pồ công suất 3.000 tấn/năm.

- Bảo quản và chế biến thịt gia súc: Đến năm 2020 ở tất cả các trung tâm huyện, thị xã được bố trí khu giết mổ tập trung, đối với thành phố Điện Biên Phủ triển khai đầu tư xây dựng 01 cơ sở giết mổ tập trung.

- Chế biến lâm sản: Tập trung triển khai trồng rừng để cung cấp nguyên liệu cho nhà máy sản xuất ván dăm và gỗ ghép thanh do Công Ty Cổ phần Rừng Việt Tây Bắc đầu tư tại huyện tuần Giáo. Tiếp tục hoàn thiện nhà máy tre ghép thanh và gỗ công nghiệp của Công ty TNHH Hoàng Lâm Điện Biên tại xã Núa Ngam, huyện Điện Biên. Không mở thêm các cơ sở chế biến sản phẩm gỗ và sản phẩm đồ gỗ ngoài trời.

- Nuôi trồng thủy sản: Đến năm 2020 diện tích nuôi trên hồ nhỏ đạt 850 ha, năng suất nuôi cá hồ đạt 200 kg/ha, sản lượng đạt 172 tấn/năm. Nuôi cá lồng trên hồ thủy điện Sơn La: Sử dụng công nghệ lồng lưới, đến năm 2020 số lồng nuôi cá ước đạt 500 lồng.

b) Sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, dệt may, cơ khí

- Tập trung vào các mặt hàng như: Đồ gỗ nội thất và gỗ xây dựng; Đồ gỗ mỹ nghệ; sản xuất các loại ván nhân tạo. Đối với nghề mây tre đan: Tập trung sản xuất các mặt hàng tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ, chuẩn hoá theo tiêu chuẩn quy định để tạo sản phẩm xuất khẩu.

- Sản xuất mặt hàng dệt may: Tạo điều kiện phát triển các cơ sở gia công may mặc quần áo âu phục, trang phục của các dân tộc ở các huyện, đào tạo và xây dựng làng nghề, khôi phục và phát triển nghề dệt thổ cẩm.

- Sản xuất cơ khí nhỏ: Đến năm 2020, xây dựng trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa cơ khí công suất 5.000 sản phẩm quy đổi/năm tại thành phố Điện Biên Phủ. Xây dựng xưởng sản xuất nông cụ và sửa chữa cơ khí tại huyện Tuần Giáo, thị

xã Mường Lay công suất 12.000 sản phẩm quy đổi/năm. Giai đoạn 2021-2030 xây dựng trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa cơ khí công suất 8.000 sản phẩm quy đổi/năm tại thành phố Điện Biên Phủ, huyện Tuần Giáo, huyện Điện Biên. Xây dựng xưởng sản xuất nông cụ và sửa chữa cơ khí tại huyện Tuần Giáo, thị xã Mường Lay, huyện Điện Biên công suất 16.000 sản phẩm quy đổi/năm.

c) Sản xuất hàng hoá thủ công mỹ nghệ

Giai đoạn từ nay đến năm 2020 tập trung cho các cơ sở tại thành phố Điện Biên Phủ nhằm đáp ứng nhu cầu trên địa bàn và xuất khẩu sang nước bạn Lào. Giai đoạn 2021-2030: Xây dựng tại mỗi xã (hoặc liên xã) có sản phẩm chế biến để có sản phẩm bán ra thị trường.

d) Xây dựng, vận tải phục vụ sản xuất và đời sống cư dân nông thôn

Từ nay đến năm 2020, mỗi xã có 1 - 2 cơ sở hoặc hợp tác xã hoạt động, thu hút khoảng 1.300 lao động, đến năm 2030 có khoảng 350 cơ sở và thu hút khoảng 2.800 lao động.

e) Dịch vụ và các ngành nghề khác

Khuyến khích phát triển các loại hình hợp tác xã thương mại; đặc biệt là hợp tác xã thương mại - dịch vụ... Tại một số địa phương trong tỉnh có thể phát triển thêm một số ngành nghề như: nuôi chim cảnh; gậy, nuôi cá cảnh...

2.2. Quy hoạch phát triển các làng nghề

Tiếp tục ưu tiên duy trì và phát triển mở rộng quy mô chủng loại sản phẩm của các làng nghề hiện có, không phát triển tràn lan các làng nghề theo phong trào, quy hoạch phát triển các làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, như sau:

- Huyện Điện Biên: Phát triển thêm nghề làm giấy dó tại Làng nghề truyền thống dệt thổ cẩm bản Na Sang II (khi dự án khoa học làm giấy dó triển khai thành công). Đối với làng nghề xã Nà Tấu: Phát triển vùng nguyên liệu tại địa phương, phát triển thêm nghề làm miến dong.

- Huyện Tủa Chùa: Xây dựng làng nghề truyền thống thêu ren thổ cẩm ở thôn Tà Là Cáo, xã Sính Phình vào năm 2015, trên cơ sở mở rộng quy mô số hộ tham gia thêu ren thổ cẩm ở thôn Tà Là Cáo, để đủ tiêu chuẩn công nhận làng nghề truyền thống. Xây dựng, phát triển làng nghề trồng, chăm sóc chế biến chè cô thụ kết hợp du lịch tại xã Sín Chải và xã Tả Sìn Thàng.

- Huyện Mường Chà: Quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu song, mây ở xã Huổi Lèng, xã Hừa Ngải để cung cấp đủ nguyên liệu cho các làng nghề mây tre đan ở các xã: Pa Ham (Bản Hua Mức); xã Mường Mươn (Bản Púng Giắt); xã Hừa Ngải; xã Na Sang (Bản Hin 1, bản Hin 2 và bản Co Đứa); xã Huổi Mí (Bản Pa Ít và bản Huổi Páng).

- Thị xã Mường Lay: Xây dựng làng nghề mây tre đan tại phường Sông Đà; cơ sở sản xuất và chế biến dong riềng; cơ sở trồng và chế biến nấm; làng nghề sản xuất Khẩu Xén.

- Thành phố Điện Biên Phủ: Khôi phục lại làng nghề dệt thổ cẩm tại bản Him Lam 2.

- Huyện Điện Biên Đông: Khôi phục lại làng nghề dệt thổ cẩm ở xã Mường Luân.

2.3. Phát triển các cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp

Tuân thủ và kế thừa "Quy hoạch cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2020, định hướng đến năm 2025" để triển khai các dự án phát triển ngành nghề nông thôn đảm bảo phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng giai đoạn.

3. Vốn và nguồn vốn đầu tư

3.1. Vốn đầu tư: Dự kiến tổng kinh phí trực tiếp đầu tư cho phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Điện Biên đến năm 2030 là 377 tỷ đồng, trong đó:

- Giai đoạn 2015-2020 là 149,55 tỷ đồng (bình quân 25 tỷ/năm).

- Giai đoạn 2021-2030 là 227,45 tỷ đồng (bình quân 22,74 tỷ/năm).

3.2. Nguồn vốn đầu tư: Huy động từ nhiều nguồn, trong đó được chia thành 2 nguồn chính:

- Nguồn vốn ngân sách chiếm 80,97%, (gồm ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương).

+ Thực hiện theo Quyết định số 132/2001/QĐ-TTg của Thủ Tướng Chính phủ về cơ chế tài chính thực hiện chương trình phát triển cơ sở hạ tầng ở các điểm sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề tập trung (xây dựng đường, điện, san lấp mặt bằng, công trình nước).

+ Thực hiện theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

- Nguồn vốn khác chiếm 19,03% (nguồn vốn tự có của người sản xuất, nguồn vốn của các xã viên, nguồn vốn vay và huy động từ nguồn khác).

4. Các giải pháp chủ yếu để thực hiện quy hoạch

4.1. Giải pháp về vốn

Nguồn vốn đầu tư theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm" huy động từ nhiều nguồn vốn khác nhau, kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia phát triển ngành nghề nông thôn; tranh thủ sự hỗ trợ từ các chương trình, chính sách, đề án, dự án của Nhà nước (xã hội hóa nguồn vốn).

4.2. Giải pháp về tài chính, tín dụng

- Thực hiện xã hội hóa trong đầu tư xây dựng, khai thác cơ sở hạ tầng.

- Tạo điều kiện cho các cơ sở ngành nghề nông thôn vay vốn trung và dài hạn với lãi suất ưu đãi.

- Có chính sách cởi mở thu hút đầu tư từ các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước.

- Thành lập quỹ hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn;

- Phối hợp với các tổ chức tín dụng áp dụng linh hoạt Nghị định 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.

4.3. Giải pháp về thị trường, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm

a) Về thị trường

+ *Thị trường nội tỉnh*: Phát triển mạng lưới tiêu thụ dựa trên tiềm năng du lịch của tỉnh. Tăng cường quảng bá tiếp thị, tổ chức thi chất lượng sản phẩm...

+ *Thị trường ngoại tỉnh*: Duy trì các thị trường truyền thống như Hà Nội, Lai Châu, Sơn La. Đẩy mạnh giao lưu với các tỉnh trong nước.

+ *Thị trường xuất khẩu*: Định hướng chủ yếu là thị trường Trung Quốc, 3 tỉnh Bắc Lào, tỉnh Nan của Thái Lan. Xây dựng mối liên kết và giao lưu kinh tế và văn hóa giữa Điện Biên và các thành phố có lịch sử lâu đời như: Kyoto (Nhật Bản), Bắc Kinh (Trung Quốc)...

- Về chất lượng sản phẩm: Xây dựng bộ tiêu chuẩn cho các sản phẩm ngành nghề nông thôn Điện Biên căn cứ tiêu chuẩn TCVN của Việt Nam và tham khảo tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu để định hướng mục tiêu cho các mặt hàng xuất khẩu. Tất cả các sản phẩm phát triển theo hướng công nghệ sạch và thân thiện với môi trường.

- Xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm có thế mạnh của tỉnh như: Gạo Điện Biên, hàng thổ cẩm, rượu sâu chít, mật ong...

b) Xúc tiến thương mại và tiêu thụ sản phẩm

- Đào tạo nâng cao năng lực và kỹ năng kinh doanh xuất khẩu; tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm; tổ chức khảo sát thị trường, giao dịch thương mại ở nước ngoài; xây dựng các chính sách ưu tiên cho các sản phẩm làng nghề, ngành nghề nông thôn được giới thiệu, quảng bá tại các lễ hội, các điểm du lịch trong tỉnh.

- Tổ chức định kỳ các hội chợ về sản phẩm ngành nghề nông thôn, nơi trình diễn các giá trị văn hóa phi vật thể của mảnh đất và con người Điện Biên.

- Tổ chức cho các doanh nghiệp có tiềm năng, cán bộ chủ chốt của tỉnh, ngành đi khảo sát thị trường mục tiêu, cụ thể là thị trường Trung Quốc, Lào, Thái Lan, Nhật Bản, thị trường Châu Âu.

- Xây dựng trang web và tài liệu bằng nhiều thứ tiếng để giới thiệu các sản phẩm ngành nghề nông thôn; xây dựng cơ sở dữ liệu về sản phẩm ngành nghề nông thôn, các làng nghề.

4.4. Giải pháp về xử lý chất thải, vệ sinh môi trường

- Kiểm soát nghiêm ngặt chất xả thải, nguồn ô nhiễm trong sản xuất để đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường.

- Khuyến khích các cơ sở ngành nghề nông thôn đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ thiết bị để phát triển các sản phẩm sạch và thân thiện với môi trường, khuyến khích sử dụng nguồn nguyên liệu tái sinh.

- Đối với các lò sản xuất gạch, ngói, xi măng thủ công phải chuyển sang công nghệ không nung và bố trí cách xa khu dân cư.

- Đối với các cơ sở chế biến nông sản (tinh bột, bún, bánh trắng, bánh đa...); lò giết mổ gia súc, gia cầm... di dời xa khu dân cư và phải có hệ thống xử lý nước thải đảm bảo theo quy định.

4.5. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Thay đổi phương thức đào tạo cho từng loại đối tượng, đào tạo theo hợp đồng.
- Hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở ngành nghề nông thôn gửi lao động đi đào tạo tại các trường Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề và Trung tâm dạy nghề.
- Có chính sách thu hút các nghệ nhân; khuyến khích các cơ sở đào tạo mời các nghệ nhân trong và ngoài tỉnh tham gia giảng dạy, truyền nghề.
- Khuyến khích các làng nghề, cơ sở nghề truyền thống mở lớp đào tạo nghề cho lao động địa phương và các vùng lân cận theo các chính sách của Nhà nước quy định.
- củng cố và phát triển hệ thống các trường, trung tâm dạy nghề theo chương trình phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

4.6. Giải pháp về cơ chế chính sách

Nghiên cứu, xây dựng, ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Điện Biên, đặc biệt là chính sách vinh danh, công nhận làng nghề, nghệ nhân. Áp dụng linh hoạt Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Điều 2. Giao UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và Đại biểu HĐND tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XIII, kỳ họp thứ 12 (bất thường) thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2014./.

Nơi nhận:

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu QH, ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- LĐ VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- TT HĐND - UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VP, CVHĐND.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Giàng Thị Hoa